



VAI TRÒ CỦA CÁC CĂN CỨ ĐỊA TRONG QUÁ TRÌNH ĐẤU TRANH GIỮ GÌN VÀ XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG, TIẾN TỚI ĐỒNG KHỞI Ở NAM BỘ (1954 - 1960)

Thái Văn Thơ*

Trường Đại học Ngoại thương – Cơ sở II tại Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 20-8-2018; ngày nhận bài sửa: 30-10-2018; ngày duyệt đăng: 25-10-2018

TÓM TẮT

Những căn cứ địa cách mạng được xây dựng và phát triển ở Nam Bộ trong giai đoạn (1954-1960) đã phát huy tác dụng to lớn trong việc hạn chế những tổn thất, bảo vệ và giữ gìn lực lượng cách mạng trước các hành động khủng bố, tận diệt của quân đội và chính quyền Sài Gòn. Các căn cứ địa cách mạng giữ một vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng ở các địa phương, đồng thời tạo tiền đề thuận lợi cho quân và dân Nam Bộ tiến hành cao trào Đồng Khởi giành thắng lợi vang dội trong những năm 1959-1960 trên địa bàn.

Từ khóa: căn cứ địa, đấu tranh giữ gìn lực lượng, xây dựng lực lượng cách mạng, Đồng Khởi, Nam Bộ.

ABSTRACT

The role of the base in the struggle to preserve and build revolutionary forces, toward Dong Khoi in Nam Bo (1954-1960)

The revolutionary bases were built and developed in the Nam Bo during the period (1954-1960) have brought about great effects in limiting the losses, protecting and preserving revolutionary forces against the terrorism, the extermination of the military and the Saigon government. The revolutionary bases play a very important role in the struggle for the preservation and building of revolutionary forces in the localities. At the same time, created a favorable premise for the Nam Bo's army and people to carry out the peak of Dong Khoi won a great victory in the years 1959-1960 in the area.

Keywords: bases, to struggle to keep forces, to build revolutionary forces, Dong Khoi, Nam Bo.

1. Đặt vấn đề

Đến tháng 7 năm 1956, chính quyền Ngô Đình Diệm thẳng thừng chối bỏ tổng tuyển cử để thống nhất đất nước theo quy định của Hiệp định Genève 1954, đồng thời tiến hành đàn áp, khủng bố khốc liệt phong trào cách mạng ở các địa phương và đã đặt tình thế cách mạng ở miền Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng lâm vào tình cảnh hiểm nguy. Nhưng với tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất cùng khát khao thống nhất Tổ quốc, quân và

* Email: thaivantho2011@gmail.com

dân Nam Bộ đã đứng lên đấu tranh mạnh mẽ, quyết liệt chống chính quyền tay sai Sài Gòn. Để tránh sự khùng bố, tiêu diệt của quân đội Ngô Đình Diệm, hàng loạt căn cứ địa cách mạng được hình thành và phát triển trải dài từ miền Tây cho đến miền Đông Nam Bộ – các căn cứ địa cách mạng là nơi đứng chân, nơi bảo vệ, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng ở các địa phương trong tình cảnh phong trào cách mạng nhiều nơi bị chính quyền Sài Gòn đàn áp, tiêu diệt. Sự hình thành và phát triển của các căn cứ địa diễn ra như thế nào ở Nam Bộ trong những năm 1954-1960? Và những căn cứ địa đó đã giữ vị trí, vai trò như thế nào trong quá trình quân và dân Nam Bộ đấu tranh chống chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm ở các địa phương? Đây là những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, phân tích để làm sáng tỏ thêm vai trò, tác dụng của các căn cứ địa cách mạng trong quá trình quân và dân Nam Bộ đấu tranh chống chính quyền Mĩ – Diệm trong những năm 1954-1960 trên địa bàn.

2. Tình hình Nam Bộ sau Hiệp định Genève 1954

Sau Hiệp định Genève 1954, chính quyền Mĩ với những âm mưu và thủ đoạn được chuẩn bị từ trước đã nhanh chóng tiến hành loại dần những ảnh hưởng của Pháp ở Nam Bộ. Từ cuối năm 1954, chính quyền Washington tăng cường các cố vấn và nhân viên quân sự Mĩ tới Sài Gòn. Tháng 11 năm 1954, tướng Collins được cử sang miền Nam Việt Nam với chức đại sứ đặc biệt, đại diện riêng của Tổng thống Hoa Kỳ bên cạnh Ngô Đình Diệm và được Eisenhower giao cho “quyền hành rộng rãi để chỉ huy, sử dụng và kiểm soát mọi cơ quan và nguồn lực của Chính phủ Mĩ liên quan đến Việt Nam” (Ronald H. Spector, 1985, tr. 232) ở Sài Gòn. Song song với việc gạt Pháp ra khỏi Nam Bộ, chính quyền Mĩ tích cực hỗ trợ Ngô Đình Diệm thanh toán, tiêu diệt các thế lực thân Pháp còn hiện hữu tại đây, tiến tới xóa bỏ mọi ảnh hưởng của Pháp để xây dựng chế độ mới ở Sài Gòn do Mĩ chi phối, kiểm soát. Trước đó, từ tháng 7 năm 1954, Ngô Đình Diệm đã được giao đảm nhận giữ chức Thủ tướng Quốc gia Việt Nam thay Bửu Lộc (tay sai của thực dân Pháp). Đến tháng 11 năm 1954, anh em họ Ngô đã loại trừ Nguyễn Văn Hinh ra khỏi các chức vụ ở Sài Gòn và buộc viên tướng này phải lưu vong sang Pháp. Và ngay sau đó là “một loạt tướng tá thân Pháp bị loại khỏi quân đội, một số phải rời miền Nam Việt Nam. Ngược lại những sĩ quan nào ngả theo Ngô Đình Diệm đều được thăng cấp, thăng chức” (Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến, 2010, tr. 45). Đến tháng 10 năm 1955, Ngô Đình Diệm tổ chức cuộc “trung cầu dân ý” gian lận. Sự gian lận diễn ra ngay tại Sài Gòn, ở khu vực Sài Gòn – Chợ Lớn có 450.000 cử tri đăng kí nhưng có đến 605.025 lá phiếu bầu, Ngô Đình Diệm có tới 98,2% tổng số phiếu trong khi Bảo Đại chỉ được 1,1% (Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến, 2010, tr. 48). Ngô Đình Diệm đã phế truất cựu hoàng Bảo Đại và nghiễm nhiên trở thành Tổng thống đầu tiên của chính thể Việt Nam Cộng hòa. Cùng lúc với loại dần các tướng lĩnh, những tàn dư còn lại của thực dân Pháp, chính quyền Ngô Đình Diệm còn tiến hành hàng loạt các chiến dịch tiêu diệt các đối thủ, các lực lượng đảng phái và giáo phái chống đối ở Nam Bộ. Từ tháng 3 năm 1955 đến

tháng 6 năm 1956, anh em họ Ngô cơ bản thanh toán xong các giáo phái đối lập ở Nam Bộ. Bên cạnh đó, chính quyền Ngô Đình Diệm còn cho thành lập các đảng phái làm hậu thuẫn cho chính quyền: tháng 8 năm 1954 thành lập Đảng Cần lao Nhân vị và sau đó lần lượt thành lập các tổ chức quần chúng khác như Mặt trận Cần lao có Thanh niên Cộng hòa, Phụ nữ liên đới, Hiệp hội Nông dân... Mặt khác, anh em họ Ngô còn ra sức củng cố chính quyền Sài Gòn ở cơ sở bằng cách dựa vào lực lượng địa chủ, sử dụng tôn giáo làm nòng cốt tổ chức ra bộ máy kìm kẹp ở các địa phương bao gồm lực lượng dân vệ, cảnh sát, mật vụ, kết hợp với các đoàn thể khác để kìm kẹp nhân dân.

Sau khi tiêu diệt xong các lực lượng giáo phái, đảng phái chống đối, chính quyền Sài Gòn tăng cường đẩy mạnh chính sách “tổ cộng”, “diệt cộng” trên địa bàn Nam Bộ với quy mô rộng lớn, mật độ dày đặc. Năm 1955, chính quyền Ngô Đình Diệm thành lập bộ máy chỉ đạo tổ cộng từ Trung ương đến địa phương. Song hành với việc tổ chức bộ máy tổ cộng, chính quyền Sài Gòn còn chia lại địa giới hành chính Nam Bộ thành từng khu vực nhỏ để phục vụ cho việc tổ cộng, diệt cộng thêm hiệu quả của chính quyền. Hàng loạt các lớp “học tập tổ cộng” được chính quyền Ngô Đình Diệm triển khai trong nhân dân song song với các chiến dịch đàn áp, khủng bố khốc liệt ở đô thị lẫn nông thôn Nam Bộ. Các hành động đàn áp, khủng bố khốc liệt của chính quyền Ngô Đình Diệm đẩy phong trào và lực lượng cách mạng ở Nam Bộ vào tình cảnh hiểm nghèo và đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn. Đối diện với các hành động tàn bạo của chính quyền Sài Gòn, phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân Nam Bộ vẫn tiếp tục diễn ra theo những phương cách đấu tranh vô cùng phong phú, độc đáo và sáng tạo, ứng phó hiệu quả với các hành động tàn bạo phản cách mạng của chính quyền Ngô Đình Diệm, góp phần giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng ở địa phương. Để bảo vệ và giữ gìn lực lượng cách mạng, tránh sự khủng bố tiêu diệt của quân đội và chính quyền Sài Gòn, hàng loạt các căn cứ địa cách mạng được hình thành và phát triển trong đều khắp Nam Bộ. Các căn cứ địa cách mạng ở các địa phương Nam Bộ giữ vai trò quan trọng hạn chế những tổn thất lực lượng cách mạng trong tình cảnh khủng bố, đàn áp khốc liệt của chính quyền Sài Gòn và tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy quá trình xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng ở các địa phương, góp phần đưa phong trào cách mạng ở Nam Bộ phát triển tiến lên mà tiêu biểu là phong trào Đồng Khởi nổ ra thắng lợi vang dội trên toàn địa bàn trong những năm 1959-1960.

3. Quá trình thiết lập các căn cứ địa cách mạng ở Nam Bộ trong những năm 1954-1960

Lênin từng nói: “Muốn tiến hành chiến tranh một cách nghiêm chỉnh, phải có một hậu phương được tổ chức vững chắc” (Võ Nguyên Giáp, 1970, tr. 90). Xây dựng hậu phương, căn cứ địa kháng chiến trở thành nhiệm vụ quan trọng trong chiến tranh. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Muốn khởi nghĩa phải có căn cứ địa, muốn kháng chiến phải có hậu phương” (Bộ Quốc phòng & Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, 2002, tr. 360)

và nhấn mạnh vai trò to lớn cũng như tầm quan trọng của việc xây dựng căn cứ địa trong kháng chiến: “Thắng lợi phải đi đôi với trường kì, kháng chiến càng lâu dài và ác liệt càng phải huy động cao nhất sức người, sức của của căn cứ địa hậu phương. Vì vậy, nhất thiết phải xây dựng căn cứ, hậu phương vững mạnh, toàn diện về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa...” (Bộ Quốc phòng & Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, 2002, tr. 378).

Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng từng nhận định: “Nói đến đấu tranh vũ trang đến xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng thì không thể không nói đến vấn đề căn cứ địa cách mạng, vấn đề hậu phương tại chỗ, hậu phương trực tiếp của chiến tranh cách mạng. Căn cứ địa cách mạng là những vùng giải phóng xuất hiện trong vòng vây của địch, cách mạng dựa vào đó để tích lũy và phát triển lực lượng của mình về mọi mặt, tạo thành những trận địa vững chắc về: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa; lấy đó làm nơi xuất phát để lớn mạnh, giải phóng hoàn toàn đất nước. Căn cứ địa là chỗ đứng chân của cách mạng; đồng thời là chỗ dựa để xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, đẩy mạnh đấu tranh vũ trang cách mạng; trên ý nghĩa đó, nó cũng là hậu phương của chiến tranh cách mạng” (Võ Nguyên Giáp, 1970, tr. 89-90).

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, vấn đề xây dựng căn cứ địa cách mạng – nơi đứng chân, xuất phát tiến công và là nơi bảo tồn, xây dựng, phát triển của lực lượng cách mạng được đặt lên hàng đầu và trở thành một trong các vấn đề chỉ đạo chiến lược quan trọng nhất của Đảng. Trong giai đoạn (1954-1960), đặc biệt là từ tháng 12 năm 1956 trong Nghị quyết Xứ ủy Nam Bộ đã nhấn mạnh: “Phải tích cực xây dựng lực lượng vũ trang tuyên truyền, thành lập các đội vũ trang bí mật đi xây dựng căn cứ địa miền núi” (Ban Tổng kết chiến tranh B2, 1979, quyển 5, tr. 93). Thực hiện Nghị quyết đó của Xứ ủy Nam Bộ, từ năm 1957, các căn cứ địa ở miền Đông Nam Bộ được tiến hành xây dựng: gồm hai khu căn cứ rừng núi ở Đông Bắc (chiến khu Đ cũ) và Tây Bắc (chiến khu Dương Minh Châu cũ). Để bảo đảm thể liên hoàn giữa hai khu vực trên, hành lang vượt qua Quốc lộ 13 được tổ chức để cơ động lực lượng và chi viện lẫn nhau, sau đó mở hành lang nối chiến khu Đ với các căn cứ Bà Rịa, Bình Thuận, Nam Tây Nguyên, tạo ra những cơ sở đầu tiên hình thành thế hậu cần khu vực miền Đông Nam Bộ; ở miền Trung Nam Bộ căn cứ Đồng Tháp Mười được củng cố xây dựng lại từ thời kháng Pháp và ở miền Tây Nam Bộ, căn cứ U Minh cũng được tái xây dựng và mở rộng.

Trong hai năm 1957 và 1958, đối diện trước các chính sách đàn áp, khủng bố khốc liệt của chính quyền Sài Gòn, các căn cứ địa cách mạng ở Nam Bộ được củng cố và mở rộng nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn đấu tranh cách mạng lúc bấy giờ. Trước tình trạng số người thoát li lên căn cứ ngày càng nhiều, việc xây dựng căn cứ địa càng được tiến hành khẩn trương ở các địa phương của Nam Bộ. Căn cứ phía Đông Bắc (miền Đông Nam Bộ) đã mở rộng lên phía bắc, phía biên giới vùng Bình Phước, ra tận biên giới miền Trung là vùng mà trước đó bộ đội cách mạng chưa từng đặt chân tới. Trong căn cứ địa cách mạng,

việc tăng gia sản xuất được tiến hành khẩn trương và tích cực để có thể tự túc về lương thực. Nhiều trại nông binh đã được thành lập rải rác khắp các vùng căn cứ để sản xuất tự túc và mở rộng xây dựng căn cứ vững chắc để tiến hành hoạt động. Mặc dù bị khủng bố khốc liệt nhưng nhân dân vẫn hướng về cách mạng. Nhân dân vẫn tìm mọi cách ủng hộ về vật chất, tiền bạc, vũ khí... và luôn che chở, bảo vệ cán bộ, đảng viên cách mạng trong những thời điểm gian khó nhất. Đến thời điểm này, căn cứ miền Đông Nam Bộ thực sự trở thành trung tâm của chiến đấu vũ trang, chiến khu D là căn cứ chủ yếu. Đầu năm 1958, lực lượng vũ trang của cách mạng ở căn cứ Đông Bắc (Tây Ninh) cũng tập trung về chiến khu D để củng cố, học tập và sản xuất.

Đến những năm 1959-1960, hai vùng căn cứ Đông Bắc và Tây Bắc được củng cố và mở rộng thành vùng căn cứ địa chung của chiến trường Nam Bộ, nơi đứng chân của cơ quan lãnh đạo (Xứ ủy Nam Bộ). Ở miền Trung và Tây Nam Bộ, trước hết dựa vào “lòng dân” để tồn tại, phát triển đấu tranh, triệt để và khôi phục lại vùng căn cứ cũ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp là Đồng Tháp Mười, Năm Căn (Cà Mau), U Minh Thượng, Hạ. Đặc biệt ở miền Trung Nam Bộ, với địa hình chủ yếu là đồng bằng rộng lớn, vùng bung biển cũng tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình thành lập nhanh chóng các căn cứ địa cách mạng ở các địa phương. Những tỉnh gần và giáp với lãnh thổ Campuchia như Long An, Kiến Tường, An Giang cũng sớm hình thành nên những vùng “lõm căn cứ địa” cách mạng, những “túi bất hợp pháp” hoạt động chống chính quyền Sài Gòn và các căn cứ địa này tồn tại chủ yếu nhờ vào sự tiếp tế, đùm bọc, che giấu của nhân dân mà hoạt động và phát triển. Trong các vùng căn cứ đó, các đơn vị vũ trang mà phổ biến là đại đội được tổ chức, có cơ sở Đảng, cơ sở chính trị, tiến hành vũ trang tuyên truyền, diệt ác, trừ gian, đánh quân đội Sài Gòn đi càn quét, lấy của quân lính đối phương bồi dưỡng lực lượng cách mạng, cấy người vào những nơi không dân để sản xuất tự túc, phát triển cơ sở thu mua lương thực, cơ sở sản xuất, lập bệnh xá, binh công xưởng. (Ban Tổng kết chiến tranh B2, 1979, quyển 5, tr. 93).

Đến đầu năm 1958, theo Nghị quyết của Xứ ủy Nam Bộ là phải củng cố, xây dựng đồng thời mở rộng căn cứ địa để đảm bảo cho lực lượng vũ trang cách mạng phát triển lớn hơn trước. Chiến khu Đ cũ được mở rộng gồm cả khu vực Mã Đà và Đồng Nai Thượng (phiên hiệu khu A). Chiến khu Dương Minh Châu được mở rộng ra khu vực Bà Chiêm, Bàu Rã, Trà Vong, Bàu Dương Lịch, Suối Mây, Rùm Đuôn thông với các căn cứ Bời Lời, Ca Ba Cham, Ba Thu (khu B). Ở Long Nguyên xây dựng căn cứ khu vực sông Thị Tính gọi là khu C. Ở Bà Rịa, Long Khánh xây dựng các căn cứ Mây Tàu, Hắc Dịch, Xuyên Mộc, khu vực La Ngà, Rừng Sác gọi chung là khu E. Tỉnh Long An có các căn cứ Ba Thu, Vườn Thơm, Bà Vụ, Bình Phong Thạnh, Bình Hòa, có nhiều lõm làm căn cứ bàn đạp cho lực lượng vũ trang đứng chân hoạt động ở các vùng đông dân cư như Cần Giuộc, Cần Đức, Bến Lức, Đức Hòa, Đức Huệ, hai bên sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây, Rừng Sác.

Các căn cứ của miền Đông Nam Bộ tương đối thuận lợi cho bộ đội sản xuất lương thực và khai thác nguồn lợi thiên nhiên để tự túc (Bộ Tư lệnh Quân khu 7 và Cục Hậu cần, 2011, tr. 103-106).

Trong quá trình đấu tranh quyết liệt với chính quyền Ngô Đình Diệm dù ở những thời điểm khó khăn nhất nhưng Đảng bộ Nam Bộ vẫn ngày càng được củng cố vững chắc thêm về tư tưởng và tổ chức. Đặc biệt, từ cuối năm 1958 đến đầu năm 1959, do quân đội Sài Gòn khủng bố ráo riết phong trào quần chúng, ra sức đánh phá ác liệt nên lực lượng cách mạng và các tổ chức đảng ở cơ sở bị tổn thất nặng nề, nhiều cán bộ cách mạng không còn bám được trong quần chúng nhân dân. Trong tư tưởng cán bộ, đảng viên đã xuất hiện nhiều băn khoăn, vướng mắc về yêu cầu và phương pháp đấu tranh. Cụ thể là ở miền Trung Nam Bộ: sau tập kết còn để lại 12.000 cán bộ, đảng viên, đến cuối năm 1959 chỉ còn 2000 đảng viên. Mỹ Tho, trọng điểm khủng bố của quân đội Sài Gòn: sau tháng 7 năm 1954 toàn tỉnh có 90 chi bộ bám đều khắp và trên 3000 đảng viên nhưng đến cuối năm 1959 toàn tỉnh chỉ còn 8 chi bộ và 74 đảng viên bám sát quần chúng. Các cơ sở thanh niên lao động, nòng cốt bị đánh phá tan rã hầu hết. Bến Tre, sau tháng 7 năm 1954 toàn tỉnh có chi bộ đều khắp và trên 2000 cán bộ, đảng viên nhưng đến cuối năm 1959 toàn tỉnh chỉ còn 18 chi bộ với 162 đảng viên trong tổng số 115 xã (Bộ Tư lệnh Quân khu 9, 1998, tr. 326). Ở Biên Hòa còn 1 chi bộ, Bà Rịa còn 7 chi bộ, Thủ Dầu Một còn 26 chi bộ. Chợ Lớn, nơi quân đội Sài Gòn đánh phá đầu tiên ở Nam Bộ, cơ sở đảng bị tan vỡ nặng (Ban Tổng kết chiến tranh B2, 1979, quyển 2, tr. 35). Trong *Báo cáo tình hình Nam Bộ từ sau hòa bình lập lại đến 1961* của Xứ ủy Nam Bộ thì đến đầu năm 1959, riêng ở Nam Bộ chỉ còn 5000 đảng viên trên tổng số hơn 60.000 đảng viên được để lại từ sau Hiệp định Genève năm 1954. Ở tỉnh Gia Định, đến cuối năm 1959 không còn một tỉnh ủy viên nào. Tỉnh Kiến Tường đến giữa năm 1959 chỉ còn lại một chi bộ, với 3 đảng viên trên địa bàn 21 xã. Một số địa phương khác như Gò Công, Chợ Gạo, Châu Thành, Mỹ Tho gần như là vùng trắng. Khu ủy Sài Gòn – Chợ Lớn đến đầu năm 1960 chỉ còn khoảng 200 đảng viên và quần chúng nòng cốt. Khu ủy chỉ còn hai đồng chí Võ Văn Kiệt và Huỳnh Tấn Phát và buộc phải đứng ngoài căn cứ để tiếp tục chỉ đạo phong trào (Bộ Quốc phòng và Quân khu 7, 2004, tr. 61).

Mặc dù lực lượng cách mạng bị thiệt hại, tổn thất nặng nề nhưng nhìn chung, nhiều đảng viên và cán bộ cách mạng vẫn dũng cảm, kiên cường đấu tranh với sự đàn áp, khủng bố khốc liệt của chính quyền Ngô Đình Diệm. Trong tình cảnh gay go quyết liệt đó, nhiều đồng chí cách mạng bị cắt đứt liên lạc nhưng vẫn tự động công tác, cơ sở bị vỡ vẫn tìm cách xây dựng lại, không bám được trong dân vẫn tìm mọi cách quan hệ với quần chúng nhân dân. Ý thức tổ chức kỉ luật rất cao, mặc dù có nhiều băn khoăn nhưng vẫn chấp hành theo sự chỉ đạo chung. Hệ thống tổ chức của Đảng trong hoàn cảnh rất khó khăn nhưng vẫn duy trì sự liên lạc trên dưới không bị đứt đoạn lâu ngày. Chính nhờ có đội ngũ cán bộ,

đảng viên kiên cường, bất khuất như vậy nên tuy đã bị tổn thất nặng nề nhưng phong trào cách mạng ở Nam Bộ vẫn được duy trì, tồn tại.

Bên cạnh các căn cứ địa cách mạng được tái lập, củng cố và xây dựng ở nhiều địa phương của Nam Bộ thì có một căn cứ vô hình nhưng sức mạnh vô song, vô cùng kiên cố và không gì lay chuyển được, đó là “căn cứ nhân tâm” – căn cứ lòng dân. Trong những năm 1957-1959, các chính sách đàn áp, khủng bố khốc liệt của chính quyền Sài Gòn đến cán bộ, đảng viên, các cơ sở cách mạng đã phát huy hiệu quả, phần lớn bị đánh phá tan rã nhưng chính nhờ sự bao bọc, che chở, nuôi nấng, bảo vệ của nhân dân mà các tổ chức đảng, cơ sở cách mạng và cán bộ đảng viên có thể trụ vững và từng bước củng cố, xây dựng lại lực lượng cách mạng. Quần chúng nhân dân luôn hướng về cách mạng, hướng về Đảng. Chính họ đã tạo thành bức tường thành kiên cố bảo vệ cán bộ, đảng viên trước mũi lê, họng súng tàn bạo của quân đội Sài Gòn. Việc thực hiện tốt công tác dân vận cũng góp phần quan trọng giúp cho phong trào cách mạng cũng như các cơ sở, tổ chức đảng không bị tiêu diệt hoàn toàn. Trong mọi tình huống, quần chúng nhân dân tìm mọi cách tiếp tế lương thực thực phẩm để nuôi nấng cán bộ, đảng viên hỗ trợ họ có thể an toàn mà hoạt động cách mạng. Có thể thấy, nhờ xây dựng được vững chắc thể trận lòng dân đã góp phần quan trọng giúp cho quá trình tái lập các cơ sở, tổ chức đảng cũng như các đơn vị vũ trang cách mạng ở Nam Bộ trong những năm 1957-1959 có thể diễn ra thành công và hiệu quả. Và chính thể trận lòng dân được xây dựng, củng cố vững chắc đã đảm bảo cho sự thắng lợi to lớn của quân và dân Nam Bộ trong phong trào Đồng Khởi nổ ra với khí thế tiến công quét khởi, kiên cường những năm 1959-1960 sau đó.

Có thể khẳng định, trong những năm 1957-1959, dưới sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Xứ ủy Nam Bộ, các căn cứ địa cách mạng lần lượt được củng cố, tái xây dựng ở đều khắp ba miền Đông, Trung và Tây Nam Bộ. Tùy vào đặc điểm, địa thế của từng địa phương mà quá trình tái lập và xây dựng các căn cứ địa cách mạng được tiến hành phù hợp. Mạng lưới các căn cứ địa cách mạng được tái lập, xây dựng và mở rộng phát triển có sự kết hợp chặt chẽ giữa yếu tố địa hình với thể trận lòng dân và chính “căn cứ nhân tâm” là nền tảng quan trọng nhất, giúp cho các căn cứ địa cách mạng có thể nhanh chóng được tái thành lập và phát triển rộng khắp toàn vùng Nam Bộ. Dù địa thế có hiểm trở, thuận lợi cho việc xây dựng và phát triển các căn cứ địa cách mạng nhưng nếu không có “căn cứ lòng dân” thì cũng khó mà tồn tại và phát triển được trước sự tấn công, khủng bố khốc liệt với sức mạnh vượt trội về mọi mặt của chính quyền Ngô Đình Diệm hiện thời. Có thể thấy, sức mạnh của “căn cứ nhân tâm” là vô song, nó khiến cho chính quyền và quân đội Sài Gòn không thể nào san bằng, dập tắt hoặc tiêu diệt được dù họ hoàn toàn có lợi thế về kinh tế, quân sự và được trang bị những phương tiện chiến tranh hiện đại và hùng mạnh nhất. Sự kết hợp hài hòa, chặt chẽ giữa việc xây dựng căn cứ địa cách mạng với xây dựng vững chắc thể trận lòng dân là nhân tố quan trọng góp phần không chỉ thúc đẩy nhanh quá trình

tái lập và phát triển lực lượng cách mạng ở Nam Bộ lúc bấy giờ mà chính “căn cứ nhân tâm” còn góp phần bảo vệ, che chở cho các cán bộ, đảng viên cách mạng an tâm hoạt động trong tình thế vô cùng khó khăn, thử thách trước các hành động đàn áp, khủng bố ác liệt của quân đội và chính quyền Sài Gòn. Sự tái lập và mở rộng của các căn cứ địa cách mạng cũng như xây dựng được vững chắc thể trận lòng dân đã giúp cho lực lượng cách mạng ở Nam Bộ trong những năm 1957-1959 phát triển lớn mạnh và tạo ra tiền đề thuận lợi cho quân và dân Nam Bộ tiến tới phong trào Đồng Khởi giành được những thắng lợi vang dội những năm 1959-1960 trên toàn địa bàn.

4. Vị trí, vai trò của các căn cứ địa cách mạng ở Nam Bộ (1954-1960)

Trong những năm 1954-1960, quân và dân Nam Bộ đã đấu tranh kiên cường, bất khuất chống chính quyền tay sai Sài Gòn để giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng. Trong giai đoạn đấu tranh oanh liệt này, nổi bật lên vị trí, vai trò lớn lao của các căn cứ địa cách mạng tại các địa phương của Nam Bộ. Các căn cứ địa cách mạng đã phát huy tác dụng tích cực trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng của quân và dân Nam Bộ, đồng thời các căn cứ địa cách mạng còn góp phần đưa đến thắng lợi vang dội của phong trào Đồng Khởi những năm 1959-1960 trên toàn địa bàn. Trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng của quân và dân Nam Bộ những năm 1954-1960, vai trò và tác dụng tích cực của các căn cứ địa cách mạng đã được thể hiện nổi bật:

(i) Các căn cứ địa cách mạng giữ một vị trí và vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng của quân và dân Nam Bộ những năm 1954-1960

Từ sau năm 1956 khi chính quyền Ngô Đình Diệm xé bỏ Hiệp định Genève và thẳng tay đàn áp, khủng bố tiêu diệt phong trào cách mạng ở các địa phương trên toàn miền Nam mà Nam Bộ là trọng điểm thì cách mạng ở Nam Bộ muốn tồn tại chỉ duy nhất có một con đường là đứng lên đấu tranh kháng lại. Nhưng thực tế cách mạng ở Nam Bộ những năm đầu sau Hiệp định Genève không cho phép vũ trang cách mạng đánh trả ngay tức thì trước sức mạnh vượt trội được trang bị về mọi mặt của quân đội và chính quyền Sài Gòn. Tình thế đó đã đặt ra cho cách mạng ở miền Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng là phải “âm thầm” xây dựng các căn cứ địa cách mạng để tích trữ lực lượng, tái xây dựng lực lượng cách mạng ở các địa phương, tại những nơi có địa thế phù hợp để có thể tiếp tục chiến đấu chống bạo lực phản cách mạng của chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm. Phần lớn các căn cứ địa cách mạng được hình thành dựa vào đặc điểm tự nhiên, tồn tại ở những nơi hẻo lánh, vùng bung biển hoặc vùng rừng núi và xa các cơ quan của chính quyền Sài Gòn. Vị trí của các căn cứ địa cách mạng thuận lợi cho hoạt động ẩn giấu, tích trữ vũ khí, xây dựng lực lượng cách mạng và tránh được “tai mắt” của chính quyền Sài Gòn. Hàng loạt căn cứ địa cách mạng được tái lập, hình thành và hoạt động trải đều khắp ba miền Đông, Trung và Tây Nam Bộ trong những năm 1954-1960 đã phát huy được vai trò to lớn, có tác dụng tích

cực trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng ở Nam Bộ. Có thể nói, chính các căn cứ địa cách mạng là yếu tố quan trọng thúc đẩy nhanh tiến trình đấu tranh nhằm giữ gìn lực lượng, tạo tiền đề thuận lợi cho lực lượng vũ trang cách mạng phát triển lớn mạnh ở các địa phương của Nam Bộ và sự tồn tại và phát triển của các căn cứ địa cách mạng còn là sự chuẩn bị cần thiết cho phong trào Đồng Khởi nổ ra giành thắng lợi trên địa bàn.

(ii) Căn cứ địa nơi tập hợp lực lượng, nơi đứng chân của quân đội cách mạng, đồng thời còn là nơi xây dựng, phát triển và tiến công của lực lượng vũ trang cách mạng ở Nam Bộ trong những năm 1954-1960

Thực tiễn cách mạng ở Nam Bộ trong những năm 1954-1960 cho thấy vai trò to lớn của các căn cứ địa cách mạng trong việc tập hợp, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng ở các địa phương. Do hệ quả của các hành động khủng bố, đàn áp khốc liệt nhằm tiêu diệt “Cộng sản nằm vùng” của chính quyền Sài Gòn, hàng ngàn thanh niên, cựu cán bộ, chiến sĩ, đảng viên cách mạng và cả dân thường vì không chịu nổi các chiến dịch “tố cộng, diệt cộng” đẫm máu, tàn bạo của chính quyền Ngô Đình Diệm đã từ bỏ làng quê lên núi, vào rừng xây dựng căn cứ để tiếp tục hoạt động cách mạng. Đến những năm 1957-1959, ở Tây Nam Bộ có sự xuất hiện ngày càng nhiều các “làng rừng” được xây dựng và phát triển ở rừng U Minh Thượng, U Minh Hạ thuộc các tỉnh Kiên Giang, Cà Mau với dân số hàng chục ngàn người. Các căn cứ địa này ban đầu được hình thành một cách tự phát sau đó được sự lãnh đạo, chỉ đạo và khuyến khích xây dựng của Xứ ủy Nam Bộ đã sớm trở thành những căn cứ địa cách mạng hoạt động rất hiệu quả tại các địa phương. Chính những căn cứ địa cách mạng này là nơi đứng chân của lực lượng vũ trang cách mạng, nơi ra đời các đơn vị vũ trang cách mạng của miền Tây Nam Bộ, đồng thời còn là nơi tập hợp và xây dựng lực lượng chuẩn bị cho các đợt phản công chiến lược chống chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

Ở miền Trung Nam Bộ, các căn cứ địa cách mạng được hình thành và phát triển chủ yếu dựa vào địa hình tự nhiên vùng bung biển và dựa vào thể trận lòng dân, bảo bọc, che chở. Những căn cứ địa hình thành ở vùng lõi của Đồng Tháp Mười, vùng giáp biên giới Việt Nam – Campuchia, đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình đấu tranh giữ gìn và tái lập các đơn vị vũ trang cách mạng ở địa phương. Từ năm 1957 đến năm 1958, hầu hết các tỉnh ở Nam Bộ đã xây dựng được lực lượng vũ trang cách mạng, phổ biến ở cấp đại đội, trung đội. Ngoài ra, còn có các tiểu đoàn như Tiểu đoàn 506, 508 ở Nam – Bắc Long An, Tiểu đoàn 504 Kiến Tường, các đại hội Tây Ninh: C20, C70, C80; 6 tiểu đội của Thủ Dầu Một; C250 Biên Hòa; C40 Bà Rịa. Riêng tỉnh Gia Định, đến giữa năm 1959 mới thành lập đơn vị vũ trang đầu tiên mang mật danh C13 (cấp trung đội). Khi các đơn vị vũ trang được thành lập ngày càng nhiều thì yêu cầu phải đẩy mạnh xây dựng, mở rộng các căn cứ địa cách mạng để làm chỗ đứng chân, nơi xuất phát các đợt tấn công quân đội đối phương của

các lực lượng vũ trang cách mạng đã trở thành vấn đề cấp bách hơn bao giờ hết và sự hình thành, phát triển của hàng loạt các căn cứ địa cách mạng ở miền Trung Nam Bộ cũng như ở miền Đông Nam Bộ trong thời gian này đã phần nào đáp ứng được những yêu cầu thực tiễn cấp bách đó.

Với địa hình đồi núi hiểm trở, các căn cứ địa được hình thành và phát triển ở miền Đông Nam Bộ trong những năm 1954-1960, đã góp phần tạo chỗ đứng chân cho lực lượng vũ trang cách mạng tồn tại, có điều kiện xây dựng và phát triển. Hàng ngàn người đã tản cư lên ở miền Đông Nam Bộ để tiếp tục hoạt động cách mạng và âm thầm xây dựng, mở rộng lực lượng cách mạng, chờ đợi thời cơ phản công. Có thể khẳng định, nếu không có sự tồn tại và phát triển của những “vùng cách mạng” – các căn cứ địa ở các địa phương Nam Bộ trong những năm 1957-1959 thì khó có được “trái ngọt” của phong trào Đồng Khởi những năm 1959-1960 nổ ra thắng lợi vang dội trên toàn địa bàn.

(iii) Các căn cứ địa cách mạng ở Nam Bộ góp phần che chở, bảo vệ, hạn chế những tổn thất lực lượng cách mạng, làm giảm hiệu quả của các chiến dịch đàn áp, khủng bố ác liệt của quân đội và chính quyền Sài Gòn

Với dã tâm ngăn chặn và tiến tới tiêu diệt hoàn toàn lực lượng cách mạng ở Nam Bộ, sau Hiệp định Genève, chính quyền Sài Gòn đã mở hàng loạt các chiến dịch khủng bố, đàn áp nhằm tiêu trừ tận gốc lực lượng cách mạng ở các địa phương. Hệ quả của các chiến dịch đàn áp, khủng bố với mật độ dày đặc và cường độ ngày càng tăng cao của quân đội và chính quyền Sài Gòn ở Nam Bộ trong thời gian này đã phát huy hiệu quả nhất định. Nhiều địa phương gần như trắng sạch các cơ sở cách mạng, phần lớn các cán bộ, đảng viên cách mạng bị bắt, tù đày hoặc bị tiêu diệt. Để tránh sự đàn áp, khủng bố ác liệt của quân đội Sài Gòn, các căn cứ địa đã trở thành nơi trú ẩn hiệu quả, đáp ứng kịp thời tình thế nguy cấp của cách mạng lúc bấy giờ. Các căn cứ địa đã góp phần che chở, bảo vệ, nuôi dưỡng lực lượng cách mạng và hạn chế những tổn thất do chính sách khủng bố, đàn áp từ chính quyền Ngô Đình Diệm. Đồng thời, các căn cứ địa cách mạng còn góp phần làm giảm hiệu quả của các cuộc hành quân bình định, càn quét của quân đội Sài Gòn. Những chiến sĩ cách mạng như thoát ần thoát hiện, vừa tấn công quân đội đối phương lại nhanh chóng mất dạng trong các căn cứ địa cách mạng đã khiến cho chính quyền Sài Gòn khó triển khai hiệu quả các cuộc tấn công và bình định của họ để tiêu trừ hoàn toàn lực lượng cách mạng trên địa bàn Nam Bộ. Các căn cứ địa cách mạng là một trong những nhân tố quan trọng khiến cho các chiến dịch bình định, càn quét, hao người tổn của của chính quyền Sài Gòn mất tác dụng và hầu như là vô hại đối với lực lượng cách mạng ở Nam Bộ lúc bấy giờ.

(iv) Căn cứ địa cách mạng ở Nam Bộ góp phần quan trọng vào thắng lợi của phong trào Đồng Khởi ở các địa phương những năm 1959-1960

Phong trào Đồng Khởi những năm 1959-1960 của quân và dân Nam Bộ nổ ra với khí thế tiến công mạnh mẽ, quật khởi đã giành được những thắng lợi vang dội, phần lớn vùng

nông thôn ở Nam Bộ được giải phóng, góp phần đẩy chính quyền thống trị của Ngô Đình Diệm ở cơ sở lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng. Có được thắng lợi to lớn đó là do quân và dân Nam Bộ đã sớm đẩy mạnh quá trình xây dựng các căn cứ địa cách mạng để tích trữ lực lượng, tái xây dựng các đơn vị vũ trang cách mạng. Nếu không có sự tồn tại và phát triển của các căn cứ địa cách mạng ở đều khắp vùng Nam Bộ trong những năm 1954-1959 thì khó dẫn đến phong trào Đồng Khởi giành chiến thắng vang dội trong những năm 1959-1960 để đi vào lịch sử chiến tranh cách mạng Việt Nam như những biểu tượng sáng ngời nhất trong nghệ thuật chỉ đạo tiến công cách mạng. Các căn cứ cách mạng vừa là chỗ dựa cho các phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, hạn chế sự đàn áp, khủng bố của chính quyền Sài Gòn vừa là nơi xuất phát các cuộc tiến công của lực lượng vũ trang cách mạng phối hợp với các mũi tấn công chính trị và binh vận trên địa bàn trong phong trào Đồng Khởi. Vai trò và tác dụng của các căn cứ địa cách mạng ở Nam Bộ là vô cùng to lớn, không chỉ làm nên thắng lợi vang dội của phong trào Đồng Khởi ở các địa phương mà còn góp phần chuyển phong trào cách mạng ở Nam Bộ sang một giai đoạn mới với những tiền đề tích cực.

5. Kết luận

Trong giai đoạn (1954-1960), các căn cứ địa cách mạng được tái lập, xây dựng và phát triển mở rộng ở các địa phương Nam Bộ đã góp phần to lớn vào quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng các mạng của quân và dân Nam Bộ. Các căn cứ địa cách mạng hoạt động không riêng lẻ mà tạo thành một hệ thống kết nối cả ba miền Tây, Trung và Đông của Nam Bộ, tạo thành thể liên hoàn trong đấu tranh chống chính quyền tay sai Sài Gòn. Hệ thống các căn cứ địa cách mạng được hình thành dựa vào đặc điểm, lợi thế của từng địa phương và có sự liên kết, hỗ trợ đấu tranh giữa các vùng căn cứ. Các căn cứ địa cách mạng ở các địa phương Nam Bộ giữ một vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình quân và dân Nam Bộ đấu tranh chống lại các hành động khủng bố, đàn áp khốc liệt của quân đội Sài Gòn. Căn cứ địa cách mạng góp phần hạn chế những tổn thất lực lượng cách mạng trước các chiến dịch bình định, càn quét đánh phá ác liệt của chính quyền Ngô Đình Diệm. Đồng thời, các căn cứ địa cách mạng còn thể hiện vai trò lớn lao trong quá trình tái lập các đơn vị vũ trang cách mạng ở Nam Bộ, tạo tiền đề thuận lợi cho phong trào Đồng Khởi nổ ra giành thắng lợi vang dội trong những năm 1959-1960 trên toàn địa bàn, góp phần làm xoay chuyển tình thế cách mạng ở Nam Bộ từ thế bị động, giữ gìn lực lượng sang thế tiến công sau đó.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Tổng kết chiến tranh B2. (02/1979). *Đề cương tỉ mỉ Báo cáo tổng kết kinh nghiệm cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trên chiến trường Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ (B2)*, quyển 2, Lưu trữ tại Phòng Khoa học Quân sự Quân khu 7, kí hiệu VL 1232/2.
- Ban Tổng kết chiến tranh B2. (02/1979). *Đề cương tỉ mỉ Báo cáo tổng kết kinh nghiệm cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trên chiến trường Nam Bộ và Cực Nam Trung Bộ (B2)*, quyển 5, Lưu trữ tại Phòng Khoa học Quân sự Quân khu 7, kí hiệu VI 1235/2.
- Bộ Quốc phòng và Quân khu 7. (2004). *Lịch sử Bộ Chỉ huy Miền (1961-1976)*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Bộ Quốc phòng và Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam. (2002). *Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*. Hà Nội: NXB Quân đội nhân dân.
- Bộ Tư lệnh Quân khu 7 và Cục Hậu cần. (2011). *Lịch sử Công tác Đảng công tác chính trị Cục Hậu cần Quân khu 7 (1945-2010)*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật
- Bộ Tư lệnh Quân khu 9. (1998). *Quân khu 8 ba mươi năm kháng chiến (1945-1975)*. NXB Quân đội Nhân dân.
- Võ Nguyên Giáp. (1970). *Mấy vấn đề về đường lối quân sự của Đảng ta*. Hà Nội: NXB Sự thật.
- Hội đồng biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến. (2010). *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, tập 2, (1954-1975), NXB Chính trị Quốc gia.
- Ronald H. Spector. (1985). *Advice and Support (Cố vấn và yểm trợ)*, New York: NXB The Free Press.